

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-ST

Ngày: 17 - 02 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Bà Quách Thị Tình

Thư ký phiên Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký
tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2025/TLST-HS, ngày 13/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS, ngày 03/02/2025 đối với bị cáo:

Vũ Văn C; sinh ngày: 02/3/1977; tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 038077016731 cấp ngày 11/4/2024 Nơi cấp: Cục C1 về TTXH;

Con ông Vũ Văn T (đã chết), Con bà Lê Thị T1 (đã chết); Vợ: Hoàng Thị L - sinh năm: 1978; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Bị hại: Bùi Văn D - sinh năm: 1990 (Đã chết).

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Lương Thị L1, sinh năm: 1990 (là vợ bị hại). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Văn B, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. Ông Lê Đức H, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Ông Tào Văn H1, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. Ông Vũ Văn T2, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

5. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

6. Ông Tào Xuân B1, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

7. Ông Bùi Văn L2, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/02/2024, anh Lê Xuân T4 (SN 1992, trú tại thôn M, xã T, T, Thanh Hóa) có nhu cầu xây dựng nhà ở tại thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên đã ký kết hợp đồng thi công nhà ở của T4 với Vũ Văn C (SN 1977, trú tại thôn M, xã T, T, Thanh Hóa) phụ trách phân nhân công xây dựng công trình. Sau đó tổ thợ 09 người gồm có: Anh Vũ Văn C; anh Lê Đức H (SN 1973), anh Hoàng Văn B (SN 1979) cùng trú tại thôn M, xã T); anh Tào Văn H1 (SN 1992), ông Bùi Văn L2 (SN 1967), anh Tào Xuân B1 (SN 1986) và vợ là chị Lê Thị T3 (SN 1990, cùng tại thôn Đ, xã T, T, Thanh Hóa); anh Vũ Văn T2 (SN 1980, trú tại thôn Y, xã T, T); anh Bùi Văn D (SN 1990, trú tại thôn L, xã T) tiến hành thi công tại công trình xây dựng nhà ở anh Lê Xuân T4 từ ngày 15/3/2024 dương lịch (tức ngày 06/02/2024 âm lịch). Chính là người quản lý, giám sát, phân công công việc, trả công cho các thành viên trong tổ thợ, chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật công trình và hướng dẫn chỉ đạo tổ thợ làm việc; những người trong tổ thợ chịu sự giám sát, phân công của C. Vào sáng ngày 06/07/2024, tổ thợ xây gồm có B1, T3, H1, B, T2, L2 và D cùng đến công trình xây dựng nhà ở của anh Lê Xuân T4 để xây dựng. Thời điểm này, công trình đang đến công đoạn ghép cốt pha mái tầng 03 để phục vụ đổ bê tông mái.

Vào khoảng 08 giờ 20 phút, cùng ngày, khi D đang sử dụng 01 chiếc thang kim loại dài 417cm, độ rộng phần chân thang 39cm, phần ngọn 29cm, được làm từ các thanh kim loại hình trụ cùng kích thước đường kính 03cm tại khu vực sàn sân thượng phía sau của sàn tầng 03 để phục vụ lên xuống mái tầng 03 thì chiếc thang bị chạm vào đường điện dây trần (loại dây không có vỏ bọc cách điện) có điện áp 22KV khiến anh D bị điện giật tử vong (BL 123-126).

Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và làm việc với những người liên quan để làm rõ nội dung, diễn biến sự việc theo quy định.

* Kết quả khám nghiệm tử thi:

Tại bản kết luận giám định số 2003/KLGĐMH-PC09 ngày 14/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Hình ảnh da bàn chân phải tổn thương do bỏng điện; não phù, sung huyết, tim sung huyết, thoái hóa thiếu đường rai rác; phổi sung huyết, xuất huyết rải rác; gan sung huyết, thoái hóa mỡ rải rác, dạ dày sung huyết, viêm mạn tính (BL số 86).

Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 3083/KLGĐTT-PC09 ngày 23 tháng 08 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Nguyên nhân chết của ông Bùi Văn D là: “Suy tuần hoàn, suy hô hấp do tác động của dòng điện” (BL số 87-88).

Tại Bản kết luận giám định số: 5357/KL-KTHS ngày 17 tháng 7 năm 2024 của V Bộ C2 kết luận: “Trong mẫu máu ghi thu của Bùi Văn D (SN 1990, trú tại: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) gửi giám định không tìm thấy ethanol (cồn)” (BL số 96).

* Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Được thể hiện bằng biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, xác định:

+ Tại vị trí mặt trước, cách đầu thang 7,5cm đến 44cm có các vết cháy xém làm nóng chảy kim loại, kích thước (1,5 x 36,5cm);

+ Tại vị trí mặt sau thanh dọc tại vị trí tương ứng, có 01 vết cháy xém kích thước (0,5 x 0,5)cm.

+ Tại vị trí thanh dọc cách đầu thang 50cm có vết cháy xém kích thước (1x0,7)cm

* Tại văn bản số 61/TTr ngày 23/10/2024 của Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh T xác định:

- Đây là vụ tai nạn lao động.

- Về nguyên nhân sơ bộ: Vi phạm an toàn trong thi công xây dựng (vi phạm khoảng cách an toàn điện).

- Về lỗi của những người liên quan:

+ Ông Vũ Văn C - Người đại diện cho tổ thợ xây dựng.

+ Ông Bùi Văn D - Nạn nhân.

* Tại biên bản làm việc của Cơ quan điều tra với Điện lực T7 ngày 22/10/2024 xác định: Đường dây điện đi qua vị trí công trình nhà ở của anh Lê Xuân T4 là đường dây điện trần (loại dây không có vỏ bọc cách điện) có điện áp 22KV- trạm 110KV. Quá trình anh T4 xây dựng không báo cáo, cấp phép của điện lực. Khi nắm được vụ việc điện lực Thạch T5 đã phối hợp với UBND xã T lập biên bản vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp đối công trình nhà ở của Lê Xuân T4.

* Tại biên bản làm việc của Cơ quan điều tra với UBND xã T ngày 21/10/2024 xác định Công trình xây dựng nhà ở của Lê Xuân T4 không thuộc trường hợp bắt buộc phải cấp phép xây dựng. Do vậy trước khi xây dựng anh T4 không báo cáo chính quyền địa phương. Khi xây dựng, xã có nắm được thông tin và có tuyên truyền, nhắc nhở gia đình xây dựng thực hiện đúng quy định.

Đối với bị cáo Vũ Văn C: C đã thực hiện hành vi sử dụng lao động để tiến hành thi công xây dựng nhà ở (thuộc danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động) nhưng không tổ chức tập huấn, huấn luyện về an toàn lao động cho Bùi Văn D; không thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn lao động, yếu tố nguy hiểm cho D; không xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động; không trang cấp đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho Bùi Văn D trong quá trình lao động, dẫn đến xảy ra hậu quả Bùi Văn D trong quá trình lao động tại công trình xây dựng nhà ở anh Lê Xuân T4 bị điện giật tử vong. Hành vi của Vũ Văn C vi phạm khoản 6 Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; khoản 1 khoản 3 Điều 16; Điều 18; Điều 23 Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015.

Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015 quy định như sau:

* Tại khoản 6 Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm:

“6. Sử dụng lao động hoặc làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động khi chưa được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động”.

* Tại khoản 1 Điều 13. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn, vệ sinh lao động:

“1. Người sử dụng lao động phải thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn, vệ sinh lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động; hướng dẫn quy định về an toàn, vệ sinh lao động cho người đến thăm, làm việc tại cơ sở của mình”.

* Tại khoản 2 Điều 14. Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:

“2. Người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm công việc này”.

* Tại khoản 1, khoản 3 Điều 16. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc:

“1. Bảo đảm nơi làm việc phải đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và định kỳ kiểm tra, đo lường các yếu tố đó; bảo đảm có đủ buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y...”

2. T6 cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc”.

* Tại khoản 1 Điều 18. Kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc:

“1. Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động...”

* Tại khoản 1, 2 Điều 23 Phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động:

“1. Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc.

2. Người sử dụng lao động thực hiện các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động”.

Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ LĐ)

“12. Các công việc xây dựng gồm: Giám sát thi công; khảo sát xây dựng; thi công, lắp đặt đối với công trình; sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ công trình; bảo hành, bảo trì công trình; vận hành, chạy thử công trình”.

Hành vi trên của Vũ Văn C cấu thành tội Vi phạm quy định về an toàn lao động, quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 295 Bộ luật Hình sự (làm chết người).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 (một) thang kim loại dài 417cm, độ rộng phần chân thang 39cm, phần ngọn 29cm, được làm từ các thanh kim loại hình trụ cùng kích thước đường kính 03cm. Hiện vật chứng đang được quản lý tại kho vật chứng Công an huyện T.

Về trách nhiệm dân sự: Vũ Văn C đã bồi thường cho gia đình nạn nhân Bùi Văn D số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Đại diện hợp pháp của Bùi Văn D không yêu cầu bị cáo Vũ Văn C phải bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Vũ Văn C đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSTT ngày 10/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Vũ Văn C về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Điều 38, điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Vũ Văn C từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 Đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vũ Văn C cho UBND xã T, quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX tịch sung tiêu huỷ đối với một chiếc thang kim loại dài 417cm, độ rộng phần chân thang 39cm, phần ngọn 29cm, được làm từ các thanh kim loại hình trụ cùng kích thước đường kính 03cm.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Bị cáo Vũ Văn C thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và có lời xin lỗi gia đình bị hại.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại thống nhất với lời khai của bị cáo, về phần dân sự, bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho gia đình bị hại nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, hiện trường nơi xảy ra tai nạn, kết luận giám định pháp y. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 20 phút sáng ngày 06/7/2024, tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 22 có địa chỉ: thôn M, xã T, T, Thanh Hóa do anh Lê Xuân T4 là chủ sử dụng đất, Vũ Văn C đã thực hiện hành vi sử dụng lao động để tiến hành thi công xây dựng nhà ở (thuộc danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động) nhưng không tổ chức tập huấn, huấn luyện về an toàn lao động cho Bùi Văn D; không thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn lao động, yếu tố nguy hiểm cho anh D; không xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động; không trang cấp đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho Bùi Văn D trong quá trình lao động dẫn đến xảy ra hậu quả Bùi Văn D trong quá trình lao động tại công trình xây dựng nhà ở anh Lê Xuân T4 bị điện giết tử vong. Hành vi của Vũ Văn C vi phạm khoản 6 Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; khoản 1,3 Điều 16; Điều 18; Điều 23 Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015 là nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động gây hậu quả Bùi Văn D bị tử vong. Hành vi nêu trên của Vũ Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn lao động, cấu thành tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự. Do đó Vũ Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

Cáo trạng số 04/CT-VKSTT, ngày 10/01/2025, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá truy tố Vũ Văn C về tội “Vi phạm quy định an toàn lao động” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Vụ tai nạn lao động xảy ra, gây hậu quả làm chết 01 người, mặc dù là ngoài ý muốn của bị cáo, nhưng đã gây nên những mất mát, nỗi đau nặng nề đối với gia đình và người thân của người bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm quy định về an toàn lao động, đồng thời làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội, gây nên tâm lý hoang mang trong nhân dân. Tình hình tai nạn lao động hiện nay đang diễn ra phức tạp, có chiều hướng gia tăng và là vấn đề bức xúc của xã hội, hậu quả của tai nạn lao động không những làm thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, tài sản, mà còn để lại những hậu quả tang thương. Dư luận xã hội đòi hỏi phải

xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật về an toàn lao động của bị cáo và cũng để góp phần giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo C là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bố đẻ của bị cáo là ông Vũ Văn T là người có công với cách mạng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những nhận định, phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Vũ Văn C phạm tội do lỗi vô ý, bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của gia đình bị hại đã thỏa thuận xong phần bồi thường, không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 (một) thang kim loại dài 417cm, độ rộng phần chân thang 39cm, phần ngọn 29cm, được làm từ các thanh kim loại hình trụ cùng kích thước đường kính 03cm. Hiện vật chứng đang được quản lý tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận chiếc thang nêu trên, chiếc thang có giá trị không lớn, do đó tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Vũ Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Vũ Văn C** phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn C 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp định tại Điều 56 BLHS.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thang kim loại dài 417cm, độ rộng phần chân thang 39cm, phần ngọn 29cm, được làm từ các thanh kim loại hình trụ cùng kích thước đường kính 03cm, thang cũ đã qua sử dụng. Hiện vật chứng đang được bảo quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành. (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/01/2025).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Vũ Văn C phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Đội THAHS công an Thạch Thành;
- Chi cục THA DS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn

